TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 6 - 2017
V/v Ly hôn giữa chị H và anh Đ;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến;

2. Bà Đinh Thị Hồng Thơm.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:*** Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2017/TLST – HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc " Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh ngày 21/11/1994; nơi đăng ký HKTT: Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi ở: Xóm 16, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

Bị đơn: Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, xã C, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20/3/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đ ngày 28/02/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X. Sau khi kết hôn khoảng 01 năm chị mới biết anh Đ nghiện chất ma túy, chị và gia đình đã khuyên giải và đưa anh Đ đi cai nghiện tự nguyện tại T tâm cai nghiện huyện X nhưng không có kết quả. Do nghiện ma túy, anh Đ không tu chí làm ăn nên kinh tế gia đình gặp khó khăn. Vợ chồng đã xảy ra

mâu thuẫn và ly thân từ tháng 01/2016. Đến tháng 12/2016 anh Đ bị bắt giam do mua bán chất ma túy tại huyện Giao Thủy và đã bị Tòa án xử phạt tù, hiện anh Đ đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Nay Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng nên xin được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Đặng Quốc T, sinh ngày 12/5/2013 và Đặng Bảo N, sinh ngày 14/11/2015 hiện đang ở với Chị bên nhà ngoại. Khi ly hôn nguyện vọng của Chị nhận trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/5/2017, bị đơn anh Đặng Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời trình bày của chị H về việc kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và quá trình ly thân. Tháng 12/2016 anh bị Công an bắt và đã bị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử kết án phạt tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Anh mong muốn chị H suy nghĩ lại việc ly hôn, còn nếu chị H vẫn giữ ý kiến xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh nhất trí với chị H về con chung, anh đồng ý để chị H nuôi hai con trong thời gian anh đi chấp hành án phạt tù, hiện anh chưa có điều kiện kinh tế để cấp dưỡng cho các con.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Anh nhất trí với lời khai của chị H và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh Đ, việc nuôi con cần giao cho chị H trực tiếp nuôi hai con chưa thành niên, chị H tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng do anh Đ đang phải chấp hành án phạt tù nên không buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đặng Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Đặng Văn Đ có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ nghiện chất ma túy, không quan tâm chăm lo kinh tế gia đình, thiếu trách nhiệm với vợ con. Từ tháng 01/2016 chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, đến tháng 12/2016 thì anh Đ bị bắt giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn, còn anh Đ có nguyện vọng được đoàn tụ. Tuy nhiên xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị H và anh Đ có hai con chung chưa thành niên là cháu Đặng Quốc T, sinh ngày 12/5/2013 và cháu Đặng Bảo N, sinh ngày 14/11/2015 hiện đang ở với chị H. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Còn anh Đ hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam, không có tài sản thu nhập gì, anh cũng đồng ý để chị H nuôi các con khi ly hôn. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cho chị H trực tiếp nuôi hai con là phù hợp và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị H và anh Đ thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản với ai và đều không yêu cầu giải quyết khi ly hôn nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Đặng Văn Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung là Đặng Quốc T, sinh ngày 12/5/2013 và Đặng Bảo N, sinh ngày 14/11/2015;

2.2. Anh Đặng Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị Trần Thị H và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu số

09295 ngày 23/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đặng Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Phạm Trung Kiên